

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 884/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái bờ tả sông Hồng,
xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái bờ tả sông Hồng, xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng;

Căn cứ Thông báo số 339/TB-VPUBND ngày 17/12/2020 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo Kết luận của Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp xét duyệt quy hoạch, dự án đầu tư ngày 15/12/2020;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tại Tờ trình số 165/TTr-SGTVTĐ ngày 11/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái bờ tả sông Hồng, xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng với nội dung sau:

1. Vị trí, ranh giới và diện tích lập quy hoạch

a) *Vị trí:* Thuộc thôn Múc và thôn Làng Giàng, xã Thái Niên, huyện Bảo

Thắng, tỉnh Lào Cai.

b) Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp khu đồi cao dọc theo bên phải tuyến đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà, ranh giới cách tuyến đường khoảng 50m;
- Phía Tây Nam và Đông Nam giáp sông Hồng;
- Phía Tây Bắc giáp đồi cao phía khu dân cư khu vực ga Làng Giàng.

2. Quy mô lập quy hoạch: Tổng diện tích 165,0 ha.

3. Cơ cấu quy hoạch và Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Cơ cấu quy hoạch:

Gồm 03 phân khu chức năng chính:

- Phân khu 1: Khu đô thị mới;
- Phân khu 2: Khu dân cư mật độ thấp gắn với phát triển nông nghiệp đặc hữu;
- Phân khu 3: Khu sản xuất nông nghiệp đặc hữu kết hợp du lịch sinh thái.

b) Tổ chức không gian:

Tổng thể không gian khu vực là không gian mở, hướng tầm nhìn về phía sông Hồng với hướng tiếp cận chính là phía tuyến đường kết nối từ cầu Làng Giàng và đường Phố Mới - Bảo Hà. Khu vực được hình thành trên cơ sở bảo tồn và phát triển nông nghiệp đặc hữu (vùng buối Múc). Các trục cảnh quan mặt nước, ven sông, khu ở mật độ cao với những dãy nhà liên kế kết hợp các khu nhà biệt thự tạo nên vẻ đẹp hiện đại, năng động cho đô thị sinh thái. Tổng thể không gian khu vực hướng tới tiêu chí một khu đô thị xanh, đô thị sinh thái vừa hiện đại, vừa gìn giữ được những giá trị đặc sắc của địa phương.

4. Quy hoạch sử dụng đất

a) Đất công cộng: Tổng diện tích 33.729,0m² bao gồm:

- Đất văn hóa: Gồm 03 lô đất ký hiệu từ VH1 ÷ VH3 với tổng diện tích 3.972,9,0m²; mục đích xây dựng công trình nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng khu dân cư; mật độ xây dựng tối đa 40%; chiều cao xây dựng tối đa là 9,0m (tương đương 01 tầng).

- Đất giáo dục: Gồm 04 lô đất ký hiệu từ GD1 ÷ GD4 với tổng diện tích 27.468,6m²; mục đích xây dựng công trình trường học; mật độ xây dựng tối đa 40%; chiều cao xây dựng tối đa là 12,0m (tương đương 03 tầng) đối với trường Mầm non; chiều cao xây dựng tối đa là 15,0m (tương đương 04 tầng) đối với trường Tiểu học, trường THCS.

- Đất tín ngưỡng - Đình làng: Gồm 01 lô đất ký hiệu TIN với diện tích 2.287,5m²; mục đích xây dựng công trình đình làng; mật độ xây dựng tối đa 40%; chiều cao xây dựng tối đa là 9,0m (tương đương 01 tầng).

b) Đất dịch vụ thương mại: Tổng diện tích 36.322,4m² bao gồm:

- Đất chợ: Gồm 01 lô đất có ký hiệu CH với diện tích 13.445,7m²; mục đích xây dựng nhà chợ, ki ốt buôn bán phục vụ nhân dân khu vực; mật độ xây dựng tối đa 40%; chiều cao xây dựng tối đa là 15,0m (tương đương 02 tầng).

- Đất dịch vụ thương mại: Gồm 03 lô đất có ký hiệu từ DV1 ÷ DV3 với tổng diện tích 22.876,7m²; mục đích xây dựng các công trình dịch vụ, thương mại. Đối với lô đất DV1 mật độ xây dựng tối đa 45%; chiều cao xây dựng tối đa là 15,0m (tương đương 03 tầng). Đối với lô đất DV2, DV3 mật độ xây dựng tối đa 60%; chiều cao xây dựng tối đa là 22,0m (tương đương 06 tầng).

c) *Đất nông nghiệp kết hợp du lịch*: Gồm 05 lô đất ký hiệu từ NN-DL1 ÷ NN-DL5 với tổng diện tích 262.942,8m²; mục đích là khu vực trồng cây ăn quả và kết hợp du lịch sinh thái, xây dựng các khu nhà, chòi nghỉ quy mô nhỏ, mật độ xây dựng thấp, kết hợp các tiểu cảnh trang trí; mật độ xây dựng tối đa 15%; chiều cao xây dựng tối đa là 9,0m (tương đương 02 tầng).

d) *Đất hỗn hợp*: Gồm 04 lô đất có ký hiệu từ HH1 ÷ HH4 với tổng diện tích 16.017,5m²; là khu vực đất dành cho nhiều chức năng, xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ hoặc thương mại; chiều cao xây dựng tối đa là 22,0m (tương đương 06 tầng); mật độ xây dựng tối đa 50% đối với các lô đất HH1 ÷ HH3; mật độ xây dựng tối đa 60% đối với lô đất HH4;

e) *Đất ở*: Tổng diện tích 298.849,5m² bao gồm:

- Đất ở hiện trạng chỉnh trang: Có ký hiệu từ OHT1 ÷ OHT46 với tổng diện tích 64.297,8m² (tổng số 138 lô); là khu vực đất ở hiện trạng của các hộ dân trong khu vực (được giữ nguyên hiện trạng, không chia tách thửa đất); mật độ xây dựng tối đa 60%; chiều cao xây dựng tối đa là 12,0m (tương đương 03 tầng).

- Đất ở liên kế: Gồm 59 lô đất có ký hiệu từ LK1 ÷ LK59 với tổng diện tích 120.262,9m²; mục đích xây dựng nhà ở đô thị theo hình thức chia lô; mật độ xây dựng tối đa từ 59% ÷ 77% (mật độ xây dựng tối đa đối với từng thửa đất tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng); chiều cao xây dựng tối đa là 15,0m (tương đương 04 tầng).

- Đất ở biệt thự: Gồm 27 lô đất có ký hiệu từ BT1 ÷ BT27 với tổng diện tích 114.288,8m²; mục đích xây dựng nhà ở đô thị theo hình thức biệt thự; mật độ xây dựng tối đa từ 40% - 56% (mật độ xây dựng tối đa đối với từng thửa đất tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng); chiều cao xây dựng tối đa là 12,0m (tương đương 03 tầng).

f) *Đất công viên, cây xanh, thể dục thể thao*: Tổng diện tích 38.992,3m² bao gồm:

- Đất công viên: Gồm 03 lô đất ký hiệu từ CV1 ÷ CV3 với tổng diện tích 13.321,4m²; mục đích xây dựng các tiểu công viên, cây xanh, vườn hoa, tiểu cảnh... tạo điểm nhấn cảnh quan đồng thời là khu vui chơi cho người dân khu vực.

- Đất cây xanh cảnh quan: Gồm 22 lô đất ký hiệu từ CX1 ÷ CX22 với tổng diện tích 19.523,9m²; mục đích xây dựng các khu cây xanh, vườn hoa,... tạo cảnh quan cho khu vực.

- Đất thể dục thể thao: Gồm 02 lô đất ký hiệu TDTT1 và TDTT2 với tổng diện tích 6.147,0m²; mục đích xây dựng các khu hoạt động ngoài trời, sân thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis... phục vụ nhu cầu của người dân khu vực.

g) *Đất trồng cây ăn quả*: Gồm 40 lô đất ký hiệu từ CAQ1 ÷ CAQ40 với tổng diện tích 307.570,4m²; Là đất canh tác trồng các loại cây ăn quả của người dân trong khu vực.

Lưu ý: Đối với khu vực đất trồng cây ăn quả nếu người dân có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở, thì điều kiện để chuyển đổi là thửa đất đó phải có tổng diện tích $\geq 3.000\text{m}^2$, thửa đất ở mới được chuyển đổi có diện tích từ 150m² - 400m².

h) *Đất đồi cảnh quan*: Gồm 07 lô đất ký hiệu từ DCQ1 ÷ DCQ7 với tổng diện tích 9.990,5m²; Là đất đồi trồng cây xanh cảnh quan, cây lâm nghiệp.

i) *Đất cây xanh cách ly*: Gồm 10 lô đất ký hiệu từ CXCL1 ÷ CXCL10 với tổng diện tích 76.086,8m²; Là đất trồng cây xanh cách ly giữa phạm vi đường sắt với các công trình xây dựng hai bên.

k) *Đất mặt nước*: Gồm 17 lô đất ký hiệu từ MN1 ÷ MN17 với tổng diện tích 26.881,1m²; Là phạm vi mặt nước các suối, ao, hồ trong khu vực.

l) *Đất giao thông - Hạ tầng kỹ thuật*: Tổng diện tích 542.617,7m² bao gồm:

- Đất bãi đỗ xe: Gồm 06 lô đất ký hiệu từ BDX1 ÷ BDX6 với tổng diện tích 13.922,2m²; Là khu vực bãi đỗ xe phục vụ người dân khu vực.

- Đất trạm xử lý nước thải: Gồm 01 lô đất có ký hiệu TXL với diện tích 2.875,5 m²; mục đích xây dựng trạm xử lý nước thải từ khu vực quy hoạch và các khu lân cận; mật độ xây dựng tối đa 60%; chiều cao xây dựng tối đa là 15,0m (tương đương 02 tầng).

- Đất điểm thu gom rác thải: Gồm 07 lô đất ký hiệu từ GR1 ÷ GR7 với tổng diện tích 1.260,8m²; Là điểm thu gom, tập kết chất thải rắn, rác thải sinh hoạt của người dân trong khu vực trước khi đem đến khu xử lý tập trung ngoài ranh giới quy hoạch.

- Đất giao thông - Hạ tầng kỹ thuật khác: Tổng diện tích 524.559,2m²; Là đất lòng đường giao thông, đường sắt, vỉa hè, kè, ta luy, ...

m) *Bảng thống kê sử dụng đất*:

Số TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Chiều cao XD tối đa (m)	Số lô	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng		33.729,0				2,04
1.1	Đất văn hóa	VH1÷VH3	3.972,9	40	9	3	0,24
1.2	Đất giáo dục	GD1÷GD4	27.468,6	40	12-15	4	1,66
1.3	Đất tín ngưỡng - đình làng	TIN	2.287,5	40	9	1	0,14

2	Đất dịch vụ - thương mại		36.322,4				2,20
2.1	Đất chợ	CH	13.445,7	40	15	1	0,81
2.2	Đất dịch vụ - thương mại 1	DV1	13.292,6	45	15	1	0,81
2.3	Đất dịch vụ - thương mại 2	DV2	5.614,0	60	22	1	0,34
2.4	Đất dịch vụ - thương mại 3	DV3	3.970,1	60	22	1	0,24
3	Đất nông nghiệp kết hợp du lịch	NN-DL1÷ NN-DL5	262.942,8	15	9	5	15,94
4	Đất hỗn hợp	HH1÷HH4	16.017,5	50÷60	22	4	0,97
5	Đất ở		298.849,5			1.047	18,11
5.1	Đất ở hiện trạng chính trang	OHT1÷OHT46	64.297,8	60	12	138	3,90
5.2	Đất ở liên kế	LK1÷LK59	120.262,9	59÷77	15	693	7,29
5.3	Đất ở biệt thự	BT1÷BT27	114.288,8	40÷56	12	216	6,93
6	Đất công viên, cây xanh, TDTT		38.992,3				2,36
6.1	Đất công viên	CV1÷CV3	13.321,4			3	0,81
6.2	Đất cây xanh cảnh quan	CX1÷CX22	19.523,9			22	1,18
6.3	Đất thể dục thể thao	TDTT1÷TDTT2	6.147,0			2	0,37
7	Đất trồng cây ăn quả	CAQ1÷CAQ40	307.570,4			40	18,64
8	Đất đồi cảnh quan	DCQ1÷DCQ7	9.990,5			7	0,61
9	Đất cây cảnh cách ly	CXCL1÷ CXCL10	76.086,8			10	4,61
10	Đất mặt nước	MN1÷MN17	26.881,1			17	1,63
11	Đất giao thông - HTKT		542.617,7				32,89
11.1	Đất bãi đỗ xe	BDX1÷BDX6	13.922,2			6	0,84
11.2	Đất trạm xử lý nước thải	TXL	2.875,5	60	15	1	0,17
11.3	Đất điểm tập trung rác thải	GRI÷GR7	1.260,8			7	0,08
11.4	Đất HTKT khác		524.559,2				31,79
12	Tổng diện tích		1.650.000				100,0

5. Tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

a1. Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường M4 (đường Phố Mới - Bảo Hà) là tuyến đường giao thông đối ngoại của khu quy hoạch kết nối từ ga Phố Mới - TP Lào Cai đi ga Bảo Hà - huyện Bảo Yên và đi huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Quy mô tuyến đường đoạn qua khu quy hoạch được nâng cấp và mở rộng: $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$.

- Tuyến đường M1: Là tuyến đường trục chính của khu quy hoạch, kết nối khu quy hoạch với khu vực Xuân Tăng qua cầu Làng Giàng (quy mô cầu $B=14,0\text{m}$). Đoạn từ cầu Làng Giàng đến cầu vượt đường sắt có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 15,0\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 25,0\text{m}$; Đoạn từ cầu vượt đường sắt đến hết tuyến đường (đến nút giao đường M4) có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 15,0\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 9,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 33,0\text{m}$.

- Tuyến đường M3: Là tuyến đường dọc theo bờ sông định hướng kết nối các khu vực dọc theo bờ tả sông Hồng từ cầu Cốc Lều xuống khu vực quy hoạch có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 7,0\text{m} + 5,0\text{m}$; $B_{\text{nền}} = 22,5\text{m}$.

- Trong khu vực còn có tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai chạy qua và kết nối với tuyến đường sắt Hà Khẩu - Côn Minh - Trung Quốc.

a2. Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường đối nội chính:

+ Tuyến đường M5: Là tuyến đường kết nối ngang của khu quy hoạch nối từ đường M6 (song song đường sắt) sang đường M3 (đường bờ sông) có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 10,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 20,5\text{m}$.

- Tuyến đường M6: Là tuyến đường gom chạy dọc theo tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai kết nối khu vực quy hoạch với khu vực Làng Giàng, Vạn Hoà có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} + 3,0\text{m}$; $B_{\text{nền}} = 15,5\text{m}$.

+ Tuyến đường M2: Là tuyến đường chính của khu dân cư bên trái cầu Làng Giàng có quy mô: $B_{\text{mặt}} = 15,0\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 25,0\text{m}$.

- Các tuyến đường nội bộ:

+ Đối với các khu vực dân cư mới bao gồm các tuyến đường từ M7÷M15, M17, từ M26÷M30, từ M40÷M45 thiết kế với quy mô $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 5,0\text{m} \times 2$; $B_{\text{nền}} = 17,5\text{m}$.

+ Đối với các khu vực dân cư hiện trạng chủ yếu là đường nâng cấp cải tạo bao gồm: Tuyến đường M36 thiết kế với quy mô $B_{\text{mặt}} = 7,5\text{m}$; $B_{\text{via hè}} = 3,0\text{m} - 5,0\text{m}$; $B_{\text{nền}} = 13,5 - 17,5\text{m}$, các tuyến đường M16, từ M18÷M25, M31÷M35, M37÷M39 thiết kế với quy mô $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$; $B_{\text{lề}} = 2 \times 2,0\text{m}$; $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$.

+ Đối với khu du lịch sinh thái xây dựng tuyến đường dạo lát gạch đá đi theo địa hình với quy mô $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$, $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$.

b) *Chỉ giới xây dựng:*

- Đối với đất ở liên kế (LK) và đất ở hiện trạng (OHT): Lùi $\geq 3,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông.

- Đối với đất ở Biệt thự (BT): Trên bản vẽ thể hiện chỉ giới xây dựng cho cả lô đất, đối với từng thửa đất chỉ giới xây dựng cụ thể như sau: Lùi $\geq 3,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông, lùi vào $\geq 1,0\text{m}$ so với ranh giới còn lại của thửa đất.

- Đối với đất văn hoá (VH), đất tín ngưỡng (TIN): Lùi $\geq 3,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông và ranh giới lô đất.

- Đối với đất dịch vụ (DV), đất giáo dục (GD), đất hỗn hợp (HH), đất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái (NN-DL): Lùi $\geq 5,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ đường giao thông và ranh giới còn lại của lô đất.

- Đối với đất chợ (CH): Lùi $\geq 10,0\text{m}$ so với chỉ giới đường đỏ và ranh giới còn lại của lô đất.

c) *Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:*

c1. San nền:

- Cao độ thiết kế đường và mặt bằng được tính toán đảm bảo cao hơn cốt lũ P5%=79,69m. Cao độ thiết kế tại vị trí thấp nhất trong khu quy hoạch +80,50m.

- Đối với đất ở hiện trạng đã có công trình xây dựng không tính toán san nền mặt bằng, tuy nhiên khi xây dựng lại cần đảm bảo cao độ nền công trình lớn hơn cao độ +80,5m.

- Đối với đất ở mới: San nền mặt bằng cao hơn mép trong vỉa hè các tuyến đường xung quanh từ 0,1-0,2m, độ dốc mặt bằng đảm bảo thoát nước.

- Đối với đất hành chính, văn hóa, giáo dục, hỗn hợp, dịch vụ, chợ: San nền với cao độ trung bình được xác định theo từng mặt bằng cho phù hợp với đường, các mặt bằng xung quanh và đảm bảo thoát nước.

- Đối với đất nông nghiệp kết hợp du lịch cần hạn chế đào đắp, chỉ san nền cục bộ tại vị trí đặt công trình hoặc nghiên cứu thiết kế công trình theo địa hình.

- Đối với đất thể dục thể thao, đất công viên, cây xanh cảnh quan, bãi đỗ xe: San nền bằng mép vỉa hè đường giao thông.

c2. Thoát nước mặt:

- Thoát nước riêng, đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy. Trên các tuyến đường thiết kế hệ thống cống tròn D750, D1000, D1500 chạy dọc vỉa hè và lề đường để thu nước mặt đường thông qua hệ thống các cửa thu, hố ga. Bố trí hố ga thu nước mặt, khoảng cách các hố từ 30-40m/hố (tùy theo từng vị trí, độ dốc của tuyến đường). Nước mặt sau khi thu gom sẽ được xả ra suối và sông Hồng.

- Độ dốc dọc tối thiểu đáy cống 0,3% theo tiêu chuẩn. Tại các tuyến đường có độ dốc dọc đường nhỏ hơn 0,3% thiết kế cống sâu dần và sử dụng rãnh tam giác răng cưa nhằm đảm bảo thoát nước tốt nhất.

c3. Giải pháp thiết kế kè:

- Tại các vị trí xung yếu thiết kế kè đứng để bảo vệ mặt bằng, tránh sạt lở, chiều cao kè trung bình 2,0-5,0m.

- Hai bên suối thiết kế hệ thống kè ốp mái nhằm giữ ổn định bờ, tạo cảnh quan và giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Xây dựng hệ thống kè đứng bê tông cốt thép dọc theo sông Hồng, cao độ đỉnh kè bằng với cao độ mép vỉa hè đường giao thông giáp kè.

d) Quy hoạch cấp nước:

d1. Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước của nhà máy nước thành phố Lào Cai. Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 bắc qua cầu Làng Giàng, đầu nối từ đường ống cấp nước u.PVC D315 đã có trên đường Trần Hưng Đạo kéo dài.

d2. Mạng lưới cấp nước:

- Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng hở.

- Thay thế toàn bộ đường ống cấp nước sinh hoạt hiện trạng (trước là hệ thống cấp nước tự kéo và nước giếng, thay thế bằng hệ thống cấp nước sạch của nhà máy nước thành phố Lào Cai).

- Mạng đường ống phân phối, dịch vụ là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng nước, đường kính ống từ D50÷D160. Trên mạng dịch vụ này được quy hoạch thành mạng hở, tại những điểm đầu nối với đường ống thuộc mạng phân phối đều có van khóa không chế.

- Các ống cấp nước được đặt trên hè, những đoạn qua đường, tùy thuộc vào chiều sâu sẽ được đặt trong ống lồng bảo vệ. Đường kính ống lồng lớn hơn các ống tương ứng hai cấp tùy trường hợp thực tế.

- Dưới các phụ kiện van, tê, cút của tuyến ống chính cần đặt các gối đỡ bê tông.

d3. Cấp nước cứu hỏa:

- Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp, áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10,0m cột nước.

- Đường ống cứu hỏa sử dụng ống HDPE D160, D110.

- Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa bố trí dọc các tuyến đường. Các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới đường ống cấp nước được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới từ 110m -150m.

- Các công trình dịch vụ, công cộng cần có hệ thống chữa cháy đồng thời có bể dự trữ nước chữa cháy đủ cung cấp nước chữa cháy trong 1 giờ liên tục sau đó được cấp nước cứu hỏa từ mạng bên ngoài.

e) Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng công cộng và thông tin liên lạc

e1. Nguồn điện, trạm biến áp:

- Nguồn cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây ngầm 22kV trên đường TN7.

- Dựa vào bảng tính toán nhu cầu sử dụng điện của khu quy hoạch. Dự kiến xây dựng mới 18 trạm biến áp 22/0.4kV đảm bảo cung cấp điện cho khu vực quy hoạch. Tổng công suất 8.680kVA. Công suất các trạm biến áp đất dịch vụ, đất hỗn hợp có thể thay đổi phù hợp theo thực tế quy mô xây dựng công trình.

- Tháo dỡ trạm biến áp thôn Múc 160kVA-22/0.4kV.

e2. Lưới điện:

- Lưới điện trung thế: Tháo dỡ một đoạn tuyến đường dây nổi 22kV lộ 476 E 20.2 đi thôn Múc.

- Xây dựng tuyến đường dây ngầm 22kV cấp điện cho các trạm biến áp xây mới. Cấp điện trung thế sử dụng loại Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3X240MM² theo yêu cầu chung của điện lực Lào Cai.

- Lưới hạ áp 0,4KV: Xây dựng mới tuyến đường dây ngầm 0,4kV cấp điện cho khu vực đô thị mới.

- Xây dựng mới tuyến đường dây nổi 0,4kV cấp điện cho khu vực đất ở hiện trạng chỉnh trang do mật độ dân cư thưa thớt.

e3. Chiếu sáng công cộng:

- Xây dựng các tuyến đường dây chiếu sáng ngầm dọc các tuyến đường giao thông trong khu vực đô thị mới, sử dụng bóng Led 100W, 120W.

- Xây dựng mới tuyến đường dây nổi chiếu sáng dọc khu vực đất ở hiện trạng chỉnh trang, sử dụng bóng Led 50W, 60W.

e4. Thông tin liên lạc:

- Hệ thống trục thông tin liên lạc và các tủ phân phối cáp tín hiệu thông tin cho toàn bộ khu quy hoạch. Phần lưới phân phối đề cập tới cáp và vị trí hộp chia tín hiệu chờ sẵn cấp cho từng khu vực sử dụng.

- Thông tin cấp cho khu quy hoạch bằng đường trục cáp quang lấy tín hiệu trực tiếp từ trạm chuyển tiếp cho khu vực. Toàn bộ tủ và hộp được cấp tín hiệu bằng 1 nguồn tín hiệu hoạt động duy nhất, độc lập.

- Toàn bộ khu quy hoạch được cấp tín hiệu trực tiếp từ tủ phân phối chính.

- Xây dựng mạch cáp ngầm làm trục chính cung cấp tín hiệu. Tuyến cáp ngầm này được đặt trên vỉa hè tuyến đường chính, cấp tín hiệu cho các hộp cáp phân phối tín hiệu. Các đường cáp ngầm và các tủ phân phối được lắp đặt cho từng công trình.

f) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

f1. Thoát nước thải:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng, thu gom và được xử lý tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên khu vực đất ở hiện trạng mật độ công trình thấp thì nước thải xử lý cục bộ trong từng công trình sau đó thoát ra cống rãnh thoát nước mặt.

- Đường ống thoát nước thải được thiết kế tách riêng biệt với đường ống thoát nước mưa. Nước thải từ các công trình dân dụng được xử lý qua bể phốt sau đó thu bằng tuyến cống D200 và thoát ra tuyến cống D315,0 dọc bờ sông Hồng hướng trạm xử lý nước thải tập trung.

- Quy hoạch mới 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô công suất định hướng là $1.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ đặt tại khu đất TXLN có cao độ nền là +80,0m; Trạm xử lý đạt chuẩn chất lượng QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A.

f2. Vệ sinh môi trường:

- Rác thải được thu gom về các thùng đựng rác thích hợp tại các khu đất, từng tòa nhà, khu công viên cây xanh, sau đó công ty môi trường sẽ thu gom rác thải và vận chuyển đến điểm ga rác thải, chuyển lên xe cơ giới đưa đến khu xử lý rác thải của thành phố Lào Cai (nằm ngoài ranh giới)

- Quy hoạch 07 điểm tập kết rác thải trong khu vực.

- Tiêu chuẩn chất thải rắn là 0,9 kg/người.ngày; rác thải khác tính bằng 20% rác sinh hoạt.

- Chất thải rắn được tổ chức phân loại từ nguồn phát sinh thành hai loại chính:

+ CTR vô cơ: Kim loại, thủy tinh, chai nhựa, bao nilon,... được thu gom để tái chế nhằm thu hồi phế liệu và giảm tải cho khu xử lý chất thải rắn; Hình thức là thu gom định kỳ.

+ CTR hữu cơ: Thực phẩm, rau củ quả phế thải, lá cây,... được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến điểm tập kết rác thải, sau đó được đưa lên xe cơ giới đưa đi xử lý tập trung nằm ngoài ranh giới quy hoạch.

- Nghĩa trang: Trong đồ án quy hoạch không bố trí khu nghĩa trang, nhu cầu chôn cất được đưa đến khu nghĩa trang theo quy định nằm ngoài ranh giới quy hoạch.

6. Đánh giá tác động môi trường chiến lược

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, UBND huyện Bảo Thắng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa. Giao UBND huyện Bảo Thắng và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải - Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bảo Thắng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TNMT, QLĐT3.

trai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường